|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  25/9/2023 | Dạy | Ngày dạy | 4,7/10/2023 |
| Tiết(TKB) | 1,2 |
| Lớp | 7D |

**BÀI 2: THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**TIẾT 17,18 - ĐỌC VĂN BẢN: MẸ**

**- Đỗ Trung Lai -**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết cách đọc thơ bốn chữ, năm chữ.

+ Nhận biết đề tài chủ đề của bài thơ.

+ Hiểu được thêm về thể thơ năm chữ, các đặc trưng thể loại (cách ngắt nhịp, gieo vần, điệu ) trong tính chỉnh thể của văn bản.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Đọc được một văn bản thơ.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng, tự hào và biết ơn mẹ.Vun đắp tình yêu với thiên nhiên quê hương đất nước, với con người xung quanh, với cuộc sống hoà bình mà chúng ta đang trải qua.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **ND CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS nghe ca khúc “Chỉ có một trên đời”  ? Mỗi khi nhớ nghĩ về mẹ, em thường có cảm xúc gì? Hãy chia sẻ cảm xúc đó với các bạn?  - *HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình;*  **Bước 2: thực hiện** - HS suy nghĩ và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi một số HS chia sẻ  - GV trên tinh thần tôn trọng quyết định của trò, GV hướng đến cách ứng xử tích cực: mỗi chúng ta đều rất yêu kính bố mẹ của mình, luôn muốn trở thành con ngoan, biết vâng lời cha mẹ.  **Bước 4: kết quả** - GV tổng kết những cảm nhận và mong đợi của HS, chia sẻ những cảm nhận và mong đợi từ phía GV và kết nối vào bài học.  **- GV kết nối vào bài học:** Lời bài hát đã đánh tức trong tâm hồn mỗi chúng ta một tình cảm thiêng liêng, đặc biệt mà lại rất gần gũi- tình mẹ con- tình mẫu tử. Ngày hôm nay thông qua trang thơ của tác giả Đỗ Trung Lai, một lần nữa giúp ta củng cố thêm tình cảm này. | Mẹ là người yêu em nhất trên cuộc đời này. Từ bé tới giờ, mẹ luôn là người quan tâm, lo lắng cho em. Đặc biệt, mẹ luôn yêu thương em một cách vô điều kiện. Vì tình yêu mẹ dành cho em nên em cảm thấy rất hạnh phúc và luôn biết ơn cũng như yêu quý, tự hào về mẹ. |

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Nội dung 1: I.Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu tri thức ngữ văn

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV nêu yêu cầu cho các nhóm hoạt động  - Thời gian: 3 phút  - Hình thức: nhóm tổ  - Yêu cầu:  **+Nhóm 1:** Mỗi dòng thơ có mấy tiếng, số lượng các dòng thơ trong một khổ có bao nhiêu dòng, có giới hạn số dòng không?  “Hạt gạo làng ta  Có vị phù sa  Của sông Kinh Thầy  Có hương sen thơm  Trong hồ nước đầy  Có lời mẹ hát  Ngọt bùi đắng cay…” ( Hạt gạo làng ta-Trần Đăng Khoa.)  **+Nhóm 2:** Xác định cách gieo vần trong đoạn thơ sau:  “Chim bay, chim s**à** Lúa tròn bụng s**ữa** Đồng quê chan ch**ứa** Những lời chim c**a**”  (Con chim chiền chiện- Huy Cận)  **+Nhóm 3:** Xác định cách ngắt nhịp trong đoạn thơ sau:  “Chú bé /loắt choắt Cái xắc/ xinh xinh Cái chân /thoăn thoắt Cái đầu /nghênh nghênh  **(Lượm- Tố Hữu)**  “Gà đâu/ túi bụi.  Gáy sáng/ đằng đông.  Tắt / ngọn đèn lồng.  Đóm/ lui về nghỉ.”  **(Anh đom đóm- Võ Quảng)**  B2: **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành, triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **B3: Báo cáo:** - GV nghe các nhóm nào trình bày kết quả.  **B4:** **Đánh giá:** - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **I.Tìm hiểu tri thức ngữ văn**  **1. Thể thơ bốn chữ**  **a) Đặc điểm nhận biết:**  + Mỗi dòng thơ gồm bốn chữ.  + Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.  **b)Cách gieo vần**  + Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân.**  + Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => **vần liền**  + Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => **vần cách**  + Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân**  + Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => **vần lưng**  **=> Vần hỗn hợp**  **c)Nhịp thơ:** Thơ bốn chữ thường ngắt nhịp: 2/2; 1/3 hoặc 3/1) =>Cách ngắt nhịp linh hoạt. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV nêu yêu cầu cho các nhóm hoạt động  - Thời gian: 3 phút  - Hình thức: nhóm tổ  - Yêu cầu:  **+ Nhóm 1:**  Mỗi dòng thơ có mấy tiếng, số lượng các dòng thơ trong một khổ có bao nhiêu dòng, có giới hạn số dòng không?  Sông Ngân hà nao nao Chảy giữa trời lồng lộng Sao Thần Nông toả rộng Một chiếc vó bằng vàng Đón những sao dọc ngang Như tôm cua bơi lội  ( Ngàn sao làm việc- Võ Quảng.)  **+ Nhóm 2:** Xác định cách gieo vần trong đoạn thơ sau:  Tiếng hót trong bằng nước  Tiếng hót cao bằng **mây**  Những làn gió thơ **ngây** Truyền âm thanh đi khắp  ( Chuyện cổ tích về loài người – Xuân Quỳnh)  Này con gà mái mơ  Khắp mình hoa đốm trắng  Này con gà mái vàng  Lông óng như màu nắng  (Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh. )  Cháu chiến đấu hôm nay  Vì lòng yêu Tổ **quốc**  Vì xóm làng thân **thuộc**  Bà ơi, cũng vì **bà**  Vì tiếng **gà** cục tác  Ổ trứng hồng tuổi thơ  (Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh. )  **+ Nhóm 3:** Xác định cách ngắt nhịp trong đoạn thơ sau?  “Chúng em trong bản nhỏ  Phơi thật nhiều cỏ thơm.  Để mùa đông đem tặng  Ngựa biên phòng yêu thương  Mọc giữa dòng sông xanh  Một bông hoa tím biếc  Ơi/ con chim chiền chiện  Hót chi mà vang trời”  **B2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành, triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **B3: Báo cáo:** - GV nghe các nhóm nào trình bày kết quả.  **B4: Đánh giá:** - HS, GV đánh giá, nhận xét.  **\*GV hỏi bổ sung**  ? Điểm giống nhau giữa thơ bốn chữ năm chữ?  + Đều là thể thơ gần gũi, nhất là với trẻ thơ vì các thể thơ này thường được sử dụng trong các bài đồng dao, bài vè.  + Sử dụng hình ảnh thơ gần gũi, dung dị, thích hợp với việc kể chuyện.  ? Vai trò của vần và nhịp trong thơ là gì?  + Vần có vai trò liên kết các câu thơ và khổ thơ, đánh dấu nhịp thơ, tạo nhịp điệu, sự hài hòa, sức âm vang cho thơ, đồng thời làm cho câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc.  + Nhịp thơ có tác dụng tạo tiết tấu làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng góp phần biểu đạt nội dung thơ. | **2. Thể thơ năm chữ**  **a)Đặc điểm nhận biết:**  + Mỗi dòng thơ gồm năm chữ.  + Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.  **b)Cách gieo vần**  + Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân.**  + Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => **vần liền**  + Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => **vần cách**  + Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân( quốc- thuộc)**  + Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => **vần lưng(bà- gà)**  **=> Vần hỗn hợp**  **c) Nhịp thơ:** Thơ năm chữ thường ngắt nhịp: 2/3; 3/2 hoặc 1/4 => Cách ngắt nhịp linh hoạt  \*Điểm giống nhau giữa thơ bốn chữ năm chữ  \*Vai trò của vần và nhịp trong thơ |

**Nội dung 2: Tìm hiểu văn bản**

**II. Đọc - tìm hiểu chung.**

a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.

b) Nội dung : GV tổ chức HS tìm hiểu chi tiết VB bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ: -** Gv sử dụng kĩ thuật tia chớp kết hợp với phiếu học tập các câu hỏi gợi mở để tìm hiểu chung về văn bản  ? Hãy nhắc lại cách đọc hiểu một văn bản thơ:    **Yêu cầu đọc:** Chú ý khi đọc:  - Khi đọc bài thơ:  + Bài thơ được chia làm 5 khổ, vần trong bài thơ là vần hỗn hợp. Các dòng thơ được ngắt nhịp 1/3 và 2/2.  + Bài thơ viết về người mẹ, viết về sự trôi đi của thời gian, mẹ ngày càng già đi. Người con là người bày tỏ tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.  + Bài thơ sử dụng biện pháp đối lập để thấy được sự xanh tươi của cây cối đối lập với sự tàn phai của mẹ và câu hỏi tu từ để bộc lộ tình cảm, cảm xúc trân trọng mẹ của người con.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Thể thơ |  | | Gieo vần |  | | Ngắt nhịp |  | | PTBĐ |  | | Mạch cảm xúc |  |   - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. GV quan sát  **B3:** **Báo cáo kết quả:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  ? Nêu cảm nhận chung của em sau khi đọc bài thơ?  **-** sau khi đọc bài thơ Mẹ trong lòng em có sự đan xen nhiều cảm xúc, vừa xót xa khi nghĩ về tuổi tác sức khỏe của mẹ ngày một phai dần, vừa thương mẹ, vừa trân trọng những hành động, tình cảm của người mẹ giành cho con. | **II. Đọc - tìm hiểu chung.**  **1. Tác giả:**  - ***Đỗ Trung Lai (1950), ở Hà Nội.***  **2. Văn bản**  **- Xuất xứ:** tập thơ Đêm sông Cầu (2003)  - Thể thơ: 4 chữ  - Ngắt nhịp: Nhịp thơ 2/2; 1/4  - PTBĐ: biểu cảm  - Mạch cảm xúc: Bài thơ Mẹ là lời của người con (tác giả) khi nhìn thấy sự già đi của mẹ, qua đó thể hiện sự xót xa, thương và trân trọng mẹ.  - Bố cục: 2 phần  **Phần1:** 3 khổ thơ đầu: Hình ảnh đối lập giữa mẹ và cây cau  **Phần 2:** 2 khổ thơ cuối: Cảm xúc, tâm trạng của con khi nghĩ về mẹ. |
| **II. Khám phá văn bản**  **1. Hình ảnh người mẹ trong sự đối sánh với hình ảnh cau.**  a)Mục tiêu: Học sinh thấy được hình ảnh đối lập giữa mẹ và cây cau thông qua tìm hiểu 3 khổ thơ đầu.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ: -** GV chiếu 3 khổ thơ đầu- gọi hs đọc diễn cảm  - Thảo luận nhóm bàn trong 5 phút theo phiếu học tập  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**  **Câu 1:**Các từ ngữ nói về “mẹ” và “cau" ở khổ 1 và 2 có mối quan hệ với nhau như thế nào về nghĩa?  **Câu 2:** Liệt kê những từ ngữ được tác giả dùng để nói về “mẹ” và “cau” trong bài thơ. Để thể hiện hình tượng “mẹ” và “cau”, tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào? Hãy chỉ ra tác dụng của các biện pháp tu từ đó.  **Câu 3:** Hình ảnh mẹ trong bài thơ được đặt trong sự đối sánh với hình ảnh nào, trên những phương diện nào? Vì sao tác giả lại chọn hình ảnh đó?  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. GV quan sát  **B3: Báo cáo kết quả:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá:** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **\*GV chuyển ý:** Nhịp thơ bốn chữ có cảm giác cứ như lập cập, thổn thức, gieo gieo từng giọt nước mắt lặn vào trong buốt nhói với bao chiêm nghiệm. Vậy cảm xúc, tâm trạng của con khi nghĩ về mẹ như thế nào chúng ta cùng sang phần 2. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Hình ảnh người mẹ trong sự đối sánh với hình ảnh cau.**  + Mẹ và cau sóng đôi đi bên nhau bằng đối lập, tương phản.  + Tác giả nhấn mạnh vào sự nhận thức của người con, mẹ đã già yếu không còn sức khỏe như ngày xưa. |
| **2. Cảm xúc, tâm trạng của con khi nghĩ về mẹ.**  a) Mục tiêu: HS thấy được tình cảm của con với mẹ ở 2 khổ thơ cuối  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** GV chiếu 2 khổ thơ cuối- gọi hs đọc diễn cảm  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn trong 5 phút  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:**  **Câu 1:** Tìm những từ ngữ, hình ảnh, hành động thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ?  **Câu 2:** Em thích nhất hành động nào của người con để thể hiện tình cảm của con dành cho mẹ.  **Câu 3:** Qua những hành động đó, em cảm nhận tình cảm của người dành cho mẹ như thế nào?   * Hs tiếp nhận nhiệm vụ.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. GV quan sát  **B3: Báo cáo kết quả:** Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**  1, Tình cảm của người con:  - Nâng: sự trân trọng, nâng niu miếng trầu - hình ảnh tượng trưng cho mẹ. |  |
| - Cầm: tình cảm dồn nén, chứa đựng bao xót xa, tình cảm của con dành cho mẹ  2, Trong số những hình ảnh được tác giả dùng để khắc hoạ hình tượng người mẹ, em thích nhất hình ảnh “cau khô/ khô gầy như mẹ” bởi vì với hình ảnh so sánh cau khô giống mẹ gầy gợi lại rất nhiều cảm xúc và suy nghĩ trong em. Hình ảnh người mẹ già có tuổi gầy guộc, nhăn nheo cùng với miếng cau khô nhẹ nhàng mà sao chua xót, đau đớn đến thế. Hình ảnh đó cũng thôi thúc em yêu thương, trân trọng mẹ hơn.  Hình ảnh mẹ không được miêu tả trực tiếp theo cách: "Mẹ khô gầy", mà là miêu tả gián tiếp bằng cách so sánh. Cụ thể ở đây là so sánh cau với hình ảnh của mẹ. Như vậy mẹ đã trở thành thước đo của sự "khô gầy". Tính từ "khô gầy" cho thấy dáng vẻ già nua, thiếu sức sống. "Khô gầy" hoàn toàn đối lập với "tươi tắn".  3, Qua hình ảnh miếng cau khô, ta cảm nhận được nỗi niềm của con dành cho mẹ. Con thấu hiểu những khó nhọc, cay đắng của đời mẹ, trân trọng những hi sinh mẹ đã dành cho con nhưng không khỏi đau đớn trước những vất vả của mẹ.  - Với sự xót xa, con tự vấn trời đất cũng là tự vấn bản thân mình: Sao mẹ ta già?  => Câu hỏi tu từ thể hiện sự vô vọng, sự bất lực của người con không thể níu kéo thời gian chậm lại, níu kéo mẹ ở lại mãi mãi bên con. "Mây bay về xa" như mái tóc mẹ hòa vào mây trắng. Lời thơ mở ra dư âm nghẹn ngào, nỗi xúc động dưng dưng.  **B4: Đánh giá:** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **\*Gv chuyển ý:** Hình ảnh mẹ già khiến người con thấy bùi ngùi, xúc động. Nhưng nếu nói thẳng ra là "mẹ đã già" thì thật không còn là thơ và cũng chẳng cho thấy sự tế nhị của người con. Cách so sánh cau "khô gầy như mẹ" là một cách so sánh mang tính miêu tả, để nói rằng người mẹ có dáng vẻ "khô gầy", dáng vẻ đã già đi nhiều rồi. Cái ý tác giả muốn truyền đạt ở đây ẩn đằng sau câu chữ và biện pháp tu từ so sánh. Sự ẩn giấu ấy làm cho khổ thơ trở nên ý tứ và xúc động.  Hai chữ hai chữ “nâng” và “cầm” đều chỉ động thái của tình cảm. Nếu “nâng” trang trọng, kính trọng biết bao thì “cầm” lại nén bao đắng cay đắng bấy nhiêu. Từng cặp biểu cảm được song hành tạo ra bao chất chứa, lời ít mà vọng xa. Chính đây cũng là sự vận động cảm xúc của bài thơ mẹ dồn nén để buột ra câu cảm thán mang âm hưởng điệu hành trong thơ văn cổ: “Ngẩng trời hỏi vậy - Sao mẹ ta già”. gần trường hỏi vậy sao mẹ đã già. Câu hỏi tự vấn đất trời cũng chính là tự vấn lòng mình. Thơ đã chạm được đến nỗi người, cõi người vừa đăm đăm vừa trống trải. Một sự cô đơn ngỡ như vô vọng: “Không một lời đáo - Mây bay về xa”. Như vậy, bài thơ là nỗi xót xa thưởng thương cảm của người con trước hình ảnh gầy guộc già nua của mẹ theo năm tháng. | **2. Cảm xúc, tâm trạng của con khi nghĩ về mẹ.**  - Các từ ngữ , hình ảnh  + So sánh me- và miếng cau khô  + cử chỉ cảm xúc của con: nâng.../ không cầm được lệ...  -> Người con thương mẹ, thổn thức, xót xa khi nghĩ đến mẹ đã già.  -Nhận ra quy luật tất yếu, sự chấp nhận |
| **III. Tổng kết**  a) Mục tiêu: HS khái quát được giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh hoạt động cá nhân  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau:***  ? Em hãy khái quát nghệ thuật và đề tài chủ đề của bài thơ?  ? Thông điệp mà tác giả gửi gắm trong bài thơ ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. GV quan sát  **B3: Báo cáo kết quả:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* Dự kiến sản phẩm: Trân trọng tình cảm gia đình, những người thân xung quanh mình.  **B4: Đánh giá:**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1, Giá trị nghệ thuật:**  + Thể thơ bốn chữ.  + Kết cấu bài thơ giản dị, chặt chẽ, sử dụng kết hợp nhiều nghệ thuật tu từ.  + Ngôn ngữ trong sáng, giản dị, hàm súc, có những từ ngữ độc đáo.  **2, Nội dung:**  - Bài thơ là tình yêu thương, kính trọng của con dành cho mẹ, qua đó nhắc nhở chũng ta sống nhân ái, yêu thương và trân trọng những người thân của mình |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: - Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu**  ? Quan sát người thân trong gia đình của mình qua năm tháng, em thấy họ có những thay đổi như thế nào? Em có cảm xúc gì khi nhận ra những thay đổi ấy?  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs suy nghĩ. GV quan sát  **B3: Báo cáo kết quả:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét,  **\*Dự kiến sp:** Gia đình em có bà nội và bố mẹ em, bà nội tuổi đã cao, làn da bà nhăn nheo, đôi mắt ánh đục đã không còn rõ nữa. Lưng bà còng và chân tay không còn được nhanh nhẹn mà run run. Bố em phải làm công việc đồng áng vất vả mà làn da đã ngả mà nâu sậm, đôi bàn tay chai sạn gân guốc đầy những vết thẹo dài. Còn mẹ em làm công ty, làn da tươi tắn hồng hào ngày nào nay đã điểm những vết tàn nhang, khóe mắt bắt đầu xuất hiện nếp nhăn. Khi nhìn và nhận thấy sự thay đổi của những người thân yêu của mình em nhận thấy sự hi sinh thầm lặng của mọi người để mưu sinh, lo toan cho cuộc sống, qua đó em thấy thương bà, thương bố mẹ nhiều hơn. Và em tự hứa với lòng mình sẽ cố gắng học tập tốt để bà và bố mẹ không phải phiền lòng vì em.  **B4: Đánh giá** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **IV, LUYỆN TẬP:**  Quan sát người thân trong gia đình của mình qua năm tháng, em thấy họ có những thay đổi như thế nào? Em có cảm xúc gì khi nhận ra những thay đổi ấy? |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GVnêu yêu cầu**  1/ Từ bài thơ, viết đoạn suy nghĩ của em về tình mẫu từ (5- 7 câu)  2/ Đọc bài thơ Ông đồ và trả lời câu hỏi vào vở bài tập.  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Hs suy nghĩ làm yêu cầu 1 trên lớp nếu còn thời gian. GV quan sát  **B3: Báo cáo kết quả:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân và báo cáo nhiệm vụ 2 trong tiết học sau. Gv gọi hs nhận xét,  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung và đánh giá sự chuẩn bị của HS  **\* Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề nghị luận.  **Ví dụ:** Tình mẫu tử là một trong những tình cảm rất đỗi thiêng liêng của mỗi người.  **\* Thân đoạn: Đảm bảo các ý sau:**  - Tình mẫu tử là tình cảm yêu thương, gắn bó giữa mẹ và con.  - Mẹ yêu thương, che chở, hi sinh tất cả vì con.  - Con kính trọng, yêu thương, biết ơn mẹ.  - Là tình cảm thiêng liêng, cao quý, giúp hình thành nhân cách cho con, dạy con biết yêu thương, sống có lòng biết ơn.  - Là nguồn sức mạnh tinh thần vô giá tiếp sức cho cả mẹ và con trên đường đời để có thể vượt qua nhiều trở ngại, khó khăn.  - Là niềm an ủi, vỗ về, chở che, bao dung khi con vấp ngã hay mắc sai lầm.  **\* Kết đoạn:** Khẳng định lại vấn đề  **Ví dụ:** Có thể nói, tình mẫu tử là điểm tựa vững chắc trong cuộc đời mỗi con người, là tình cảm tự nhiên, thiêng liêng và bất diệt. | **V, Vận dung** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  20/9/2023 | Dạy | Ngày | 9/10/2023 |
| Tiết(TKB) | 4,5 |
| Lớp | 7D |

**TIẾT 19,20 - ĐỌC VĂN BẢN: ÔNG ĐỒ**

**- Vũ Đình Liên -**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết cách đọc thơ bốn chữ, năm chữ.

+ Nhận biết đề tài chủ đề của bài thơ.

+ Hiểu được thêm về thể thơ năm chữ, các đặc trưng thể loại (cách ngắt nhịp, gieo vần, điệu ) trong tính chỉnh thể của văn bản.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Đọc được một văn bản thơ.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu thương những người thân trong gia đình, trân trọng các giá trị văn hóa của dân tộc.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **ND CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ -** Kĩ thuật động não:  - GV cho HS xem video một số hình ảnh đặc trưng của ngày tết cổ truyền của dân tộc  ? Đoạn video gợi cho em liên tưởng đến ai và phong tục gì của dân tộc?  **Bước 2: thực hiện** - HS suy nghĩ và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi một số HS chia sẻ trên tinh thần tôn trọng quyết định của trò, GV hướng đến cách ứng xử tích cực  **Bước 4: kết quả** - GV tổng kết những cảm nhận và mong đợi của HS, chia sẻ những cảm nhận và mong đợi từ phía GV.  **- GV kết nối vào bài học:** Mỗi dịp tết đến xuân về, khi nhìn thấy những câu đối đỏ và những bức tranh thư pháp, lòng ta lại bâng khuâng nhớ về hình ảnh ông đồ xưa – hình ảnh vô cùng thân thuộc trong ngày tết cổ truyền. Để giúp các em hiểu và thêm trân trọng những con người đã từng tạo nên giá trị tinh thần rất đỗi thiêng liêng của nền văn hóa dân tộc, chúng ta cùng tìm hiểu văn bản *Ông đồ* của nhà thơ Vũ Đình Liên. | **Dự kiến câu trả lời :**  - Em liên tưởng đến ông đồ và tết cổ truyền của dân tộc. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

a)Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv sử dụng kĩ thuật tia chớp kết hợp với phiếu học tập các câu hỏi gợi mở để tìm hiểu chung về văn bản  Hãy nhắc lại cách đọc hiểu một văn bản thơ:  **Yêu cầu đọc:** Chú ý khi đọc:  Đọc theo trình tự: đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> đọc diễn cảm bài thơ. Ngắt, nghỉ đúng nhịp thơ.  Bài thơ được trải ra trên nhiều cung bậc cảm xúc, do đó các em cần thể hiện giọng đọc phù hợp với từng khổ thơ : giọng nhẹ nhàng bình thản ở khổ 1, giọng tươi vui ở khổ 2, khổ 3,4 giọng trùng xuống, chậm dần và giọng buồn thương da diết ở khổ cuối cuối.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Thể thơ |  | | Gieo vần |  | | Ngắt nhịp |  | | PTBĐ |  | | Bố cục |  |   - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả:**- Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá.**- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Tìm hiểu chú thích: Thông qua trò chơi**  ? Em hiểu nhan đề “Ông đồ” như thế nào?  Ông đồ là người theo học chữ nho nhưng không đỗ đạt cao sống bằng chữ nho, ngày tết thường viết chữ viết câu đối thuê. Từ đầu thế kỷ XX, nền tây học du nhập vào VN, cùng với đó, Hán học ngày càng suy yếu trong đời sống văn hóa, minh chứng 1919 là khoa thi cuối cùng được tổ chức, vị trí của ông đồ trong xã hội cũng dần bị quên lãng. => Nhan đề đã thể hiện niềm ngậm ngùi, day dứt về cảnh cũ, người xưa. | | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1, Tác giả:**  ***Vũ Đình Liên (1913-1996 )***  - Là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới.  - Thơ ông thường mang nặng **lòng thương người và niềm hoài cổ.**  2, Văn bản  **- Xuất xứ:** sáng tác năm 1936, đăng trên tạp chí *Tinh Hoa.*  - Thể thơ: 5 chữ  - Gieo vần: vần cách và vần liền.  - Giọng thơ đều đặn, gấp gáp, tình cảm, góp phần thể hiện thành công chủ đề của bài thơ.  - Ngắt nhịp: Nhịp thơ 2/3; 3/2  - PTBĐ: BC kết hợp với miêu tả và tự sự.  **- Bố cục: 3 phần:**  **+ Phần 1:** Hình ảnh ông đồ thời hoàng kim (Hai khổ thơ đầu)  **+ Phần 2:** Hình ảnh ông đồ dần rơi vào quên lãng.(Hai khổ thơ tiếp theo)  **+ Phần 3:** Hình ảnh ông đồ viết chữ không còn nữa.( Khổ thơ cuối)  - Nhan đề : |
| **II, Tìm hiểu chi tiết**  **1, Hình ảnh ông đồ thời hoàng kim (Hai khổ thơ đầu)**  a)Mục tiêu: Qua phân tích hai khổ thơ đầu hs thấy **h**ình ảnh ông đồ trở nên thân quen, không thể thiếu trong mỗi dịp tết đến xuân về.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | | |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  GV chiếu 2 khổ thơ đầu và câu hỏi thảo luận nhóm:  **Phương pháp thảo luận nhóm, kĩ thuật công đoạn( lần 1: 3’, lần 2: 2 phút)**  **Nhóm 1,2:** hoàn thành phiếu bài tập:   |  |  | | --- | --- | | Yếu tố nghệ thuật | Tác dụng | | * Từ ngữ * Hình ảnh * Cách ngắt nhịp |  | | **=> Sự xuất hiện của ông đồ mỗi dịp Tết đến xuân về?** | |   **Nhóm 3,4:** hoàn thành phiếu bài tập:   |  |  | | --- | --- | | Yếu tố nghệ thuật | Tác dụng | | * Từ ngữ * Hình ảnh * Cách ngắt nhịp * Biện pháp nghệ thuật |  | | => Hình ảnh của ông đồ? | |   *Sau thời gian 5’ thảo luận nhóm lần 1, các nhóm thảo luận lần 2 bằng cách đổi chéo kết quả để bổ sung(3’)* | | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1, Hình ảnh ông đồ thời hoàng kim (Hai khổ thơ đầu)** |
| * Hs tiếp nhận nhiệm vụ.   **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Dự kiến trả lời:**  **Nhóm 1,2: - khổ 1**   |  |  | | --- | --- | | Yếu tố nghệ thuật | Tác dụng | | - Từ ngữ : cặp từ hô ứng «  mỗi năm… lại thấy »  - Cách ngắt nhịp : 2/3 ở hai câu đầu  - Hình ảnh : hoa đào nở, mực tàu, giấy đỏ, phố đông. | -> *Cách ngắt nhịp 2/3 ở 2 câu thơ đầu kết hợp với cặp từ: mỗi… lại thể hiện sự xuất hiện đều đặn của ông đồ.*  -> Tạo ấn tượng cảnh sắc rực rỡ, tươi tắn, không khí đông vui, nhộn nhịp. | | ***=> Sự xuất hiện của ông đồ : ông đồ trở nên thân quen, không thể thiếu trong mỗi dịp tết đến xuân về.*** | |   **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | | - ***Sự xuất hiện của ông đồ :***  **+ Thời gian : tết đến xuân về, hoa đào nở**  **+** phố đông người qua |
| **Gv liên hệ, khắc sâu :**  ? Em hiểu gì về tục treo câu đối ngày Tết trong nhà ?  - Tục treo câu đối trong nhà vào dịp tết cổ truyền là một nét văn hóa của người dân VN. Câu đối được viết bằng mực tàu đen nhánh trên nền giấy đỏ tươi thường được treo trong nhà, dán lên cột hai bên bàn thờ gia tiên vừa để trang trí, vừa thể hiện niềm mong ước những điều tốt lành của nhân dân ta khi năm mới đến.  ***GV :***Đó là lí do mà ông đồ xuất hiện bên phố phường nhộn nhịp. Ông đồ xuất hiện vào thời điểm “ hoa đào nở”- khi tết đến xuân về. Hình ảnh hoa đào và ông đồ sóng đôi nhau đồng hiện như một lẽ tất yếu của mùa xuân.  ***Bình : Những câu thơ bằng ngôn ngữ kể, tả, xinh xắn, gọn gàng mà gợi lên cả một bức tranh mùa xuân nơi góc phố đông vui nhiều người lại qua. Ông đồ với mực tàu giấy đỏ như góp vào cái đông vui, rực rỡ của phố phường ngày tết một nét đẹp văn hóa, làm nên một mùa xuân thiêng liêng và ấm cúng****.*  **Nhóm 3,4 : khổ 2**   |  |  | | --- | --- | | Yếu tố nghệ thuật | Tác dụng | | - Từ ngữ : từ láy «  tấm tắc », lượng từ «  bao nhiêu », nhiều từ âm « t », « b »  - Cách ngắt nhịp : linh hoạt(2/3, 3/2)  - Hình ảnh : hoa hoa tay, phượng múa rồng bay.  - Biện pháp nghệ thuật : hoán dụ « hoa tay », so sánh «  hoa tay—rồng bay » | - Thể hiện thái độ, tình cảm ngưỡng mộ của mọi người đối với ông đồ : trân trọng, ngợi ca.  - Các từ có phụ âm *« t », « b »* khi đọc lên tạo những âm thanh giòn giã, nghe như tiếng pháo râm ran càng làm tăng thêm không khí đông vui ngày tết.  -> giọng điệu vui tươi, sôi nổi.  -> Nói đến chất tài hoa của người nghệ sĩ. Đồng thời thể hiện vẻ đẹp của nét chữ phóng khoáng, bay bổng, cao quí. | | ***=> Hình ảnh ông đồ : Ông đồ như một nghệ sĩ trổ tài trước công chúng.*** | | | | - Hình ảnh ông đồ  + Bao nhiêu người thuê viết  + Hoa tay thảo những nét như rồng bay phượng múa  => Ông đồ lúc này được trọng vọng, ngưỡng mộ. |
| ***GV:*** Ở hai khổ thơ đầu, hình ảnh ông đồ như hòa vào, góp vào cái rộn ràng, tưng bừng sắc màu rực rỡ của phố xá đang đón tết, sự có mặt của ông đồ thu hút bao nhiêu người ghé đến. Qua đó tác giả thể hiện sự trân trọng, yêu mến của mọi người dành cho ông đồ, cho một nét đẹp văn hóa của dân tộc. Ta còn thấy được sự gặp gỡ, sao cảm của con người và cảnh.  **GV chuyển**:Những câu thơ mang tính chất ghi chép đơn thuần mà làm sống dậy cái thời nghệ thuật thư pháp đang ở đỉnh cao. Ông đồ chính là hiện thân cho nền văn hóa truyền thống lâu đời của dân tộc khi nền Nho học đang thịnh hành.  Tuy nhiên câu chuyện về ông đồ chưa dừng lại ở đó. Hình ảnh ông đồ có còn được trọng dụng nữa hay không, chúng ta cùng sang phần 2: | |  |
| **2, Hình ảnh ông đồ dần rơi vào quên lãng.**  a)Mục tiêu: Qua việc phân tích khổ 3+ 4 hs thấy được hình ảnh ông đồ cô đơn, lạc lõng, bị mọi người lãng quên  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | | |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Gv chiếu khổ 3, 4  ? Theo dõi khổ 3,4, cho biết hoàn cảnh xuất hiện của ông đồ có gì giống với mùa xuân năm trước?  - Xuất hiện vào mùa xuân, bên phố với công việc quen thuộc.  Có điều gì thay đổi trong lần xuất hiện này của ông đồ? Để thấy được điều đó, các em hãy cùng thảo luận theo nhóm bàn và điền vào phiếu học tập theo theo những yêu cầu sau:  **GV cho HS thảo luận nhóm nhỏ:**  ? Em hãy chỉ ra yếu tố nghệ thuật( cách ngắt nhịp, cách sử dụng từ ngữ và biện pháp tu từ) và nêu tác dụng ở 2 khổ thơ 3,4?   |  |  | | --- | --- | | Yếu tố nghệ thuật | Tác dụng | | …………………………  ………………………… | …………………………  ………………………… | | | **2, Hình ảnh ông đồ dần rơi vào quên lãng. (Hai khổ thơ tiếp theo)** |
| * Hs tiếp nhận nhiệm vụ.   **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Dự kiến sản phẩm   |  |  | | --- | --- | | Yếu tố nghệ thuật | Tác dụng | | - Nhịp:  + Nhịp câu 1: 1/2/2  + Câu 2: 3/2  + Câu 3 đến câu 8: 2/3  - Từ ngữ: Từ chỉ sự đối lập “*nhưng”*, cặp từ hô ứng “ mỗi…mỗi”  - Biện pháp tu từ:  + Điệp từ: *mỗi*: điểm nhịp bước đi của thời gian.  + Nhân hóa  + Câu hỏi tu từ, nghệ thuật tương phản, tả cảnh ngụ tình.  + Tương phản | ->- Câu 1: Nhịp 1/2/2 (như nhịp đếm thời gian tạo âm điệu trầm buồn cho dòng thơ).  - 6 câu tiếp đều có nhịp 2/3(tạo cho âm điệu của cả đoạn thơ đều đều, thể hiện nỗi buồn dai dẳng, mênh mang).  ->Từ “nhưng” thể hiện sự tương phản, đối lập giữa quá khứ và hiện tại. Cấu trúc “ mỗi năm…mỗi vắng” lại cho thấy sự thưa thớt dần của người thuê viết.  - Nhịp thơ 3/2 kết hợp với câu hỏi tu từ ở câu thứ 2 thể hiện tâm trạng bất ngờ, sửng sốt đầy xót xa.  -> Gợi lên sự tương phản giữa quá khứ và hiện tại.  - Cho thấy tâm trạng buồn, cô đơn, lạc lõng của ông đồ.  - Tâm trạng buồn thương, xót xa của tác giả. | | | - Thời gian : xuân về  - Không gian : vắng vẻ, không người thuê viết  - Cảnh vật : giấy đỏ buồn ... nghiên mực sấu  -=> ông đồ cô đơn, không còn người thuê viết. |
| **GV tiểu kết**: Khung cảnh được nhìn từ ánh mắt cô đơn của ông đồ cùng sự buồn bã của nhà thơ nên nhuộm màu tâm trạng. Tác giả dường như đã linh cảm được rằng trong mùa xuân sinh sôi ấy đã hiện hữu sự lụi tàn. Ông đồ đã bị bỏ mặc giữa phố đông đúc và cả trời đất cũng ảm đạm, buồn bã. Cùng với sự tàn úa của cảnh vật, sự tàn ế của giấy mực là sự phai nhạt của lòng người.  **Gv chuyển ý:** Rồi thời gian trôi qua, một mùa xuân nữa lại về. Liệu ông đồ có còn ngồi bên hè phố, và nỗi lòng của nhà thơ thể hiện như thế nào, mời các em cùng tìm hiểu khổ thơ cuối. | |  |
| **3, Hình ảnh ông đồ viết chữ không còn nữa. ( Khổ thơ cuối)**  a)Mục tiêu: Qua việc phân tích khổ cuối hs thấy thiên nhiên vẫn tuần hoàn nhưng con người thì vắng bóng.Tác giả ngậm ngùi, nuối tiếc, xót xa.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | | |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  1. Nhận xét về nét độc đáo trong kết cấu của khổ đầu và khổ cuối của bài thơ. Kết cấu đó thể hiện điều gì?  2. Sự thay đổi trong cách gọi ông đồ: *Ông đồ già* 🡪 *Ông đồ xưa* cho em cảm nhận gì?  3. Câu hỏi tư từ” ***Hồn ở đâu bây giờ?***” thể hiện điều gì? | | **3, Hình ảnh ông đồ viết chữ không còn nữa. ( Khổ thơ cuối)** |
| * Hs tiếp nhận nhiệm vụ.   **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  DỰ KIẾN SP:  1. **+ Hình ảnh thơ:** Năm nay xuân vẫn đến, nhưng trên hè phố vẫn vắng bóng ông đồ xưa.  + **Kết cấu đầu cuối tương ứng**- tương phản khi nhắc đến hình ảnh ông đồ.  2. **Sự thay đổi cách gọi: “ông đồ già- ông đồ xưa”.**  **“ già” gợi tuổi tác, “ xưa” là khái niệm thời gian. Ông đồ xưa nay chỉ còn lại trong kí ức của một thời quá vãng.**  3. Câu hỏi tu từ” ***Hồn ở đâu bây giờ?***” thể hiện điều gì? | | - Thời gian : tết đến xuân về  - Cảnh vật : đào lại nở  - Ông đồ : vắng bóng  -> ông đồ bị lãng quên  - Câu hỏi : Hồn ở đâu bây giờ-> - sự nuối tiếc đầy day dứt, xót xa khôn nguôi cho một giá trị đã vắng bóng. Đó là khát khao gọi về giá trị tinh thần đã bị lãng quên. |
| Gv: Khổ thơ cuối như một tiếng thở dài cảm thương, nuối tiếc đầy day dứt, xót xa khôn nguôi cho một giá trị đã vắng bóng. Đó là khát khao gọi về giá trị tinh thần đã bị lãng quên.Đó cũng chính là tinh thần dân tộc và tấm lòng yêu nước kín đáo. | |  |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và đề tài chủ đề của bài thơ?***  **- Đề tài:** Những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.  **- Chủ đề:** Niềm cảm thương chân thành trước một lớp người đang lui dần về quá khứ và nỗi nhớ cảnh cũ người xưa. | **III, Tổng kết**  **1, Nghệ thuật:**  + Thể thơ bốn chữ gần gũi, giản dị tạo điều kiện thuận lợi để tác giả vừa kể chuyện vừa bộc lộ cảm xúc, suy ngẫm.  + Giọng thơ trầm buồn, tha thiết.  + Hình ảnh thơ bình dị chọn lọc và giầu sức gợi giầu ý nghĩa biểu tượng.  **2, Nội dung:**  + Cảm hứng hoài cổ: nuối tiếc những giá trị truyền thống bị lãng quên.  + Giá trị nhân văn: khẳng định giá trị trường tồn của nét đẹp văn hóa dân tộc, vừa là lời tự vấn đầy ân hận của thế hệ sau vì đã vô tình lãng quên nó..  + Tinh thần dân tộc và lòng yêu nước kín đáo, được gửi gắm qua việc trân trọng những giá trị xưa cũ.  + Thông điệp: giữ gìn nét văn hoá cổ truyền. | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: - Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Vẽ sơ đồ tư duy bài học  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sát sách giáo khoa, khái quát kiến thức để vẽ.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bài tập 1:** Vẽ sơ đồ tư duy bài học |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) M**ục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu yêu cầu**  **?** Qua bài thơ em hiểu gì về tục xin chữ mỗi dịp tết đến xuân về?. Nếu vẽ hình ảnh minh họa cho bài thơ, em sẽ vẽ như thế nào?  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* thực hiện nhiệm vụ:** Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá.**- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  \***Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập. Tìm đọc Nguyễn Tuân- vang bóng một thời.Tìm đọc những bài thơ năm chữ. ( Ví dụ: Huế- Nam Trân)  **\*Chuẩn bị bài sau:** Đọc kĩ ngữ liệu và nhớ lại kiến thức tiểu học để làm bài tiết Thực hành TV vào VBT. |  |